TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 25-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên toà : Bà Đào Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; trụ sở: Số 40-42-44 A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D; địa chỉ: Số 45 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 1128/UQ-KLHP ngày 09-12-2019 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, chi nhánh Hải Phòng); có mặt;

- *Bị đơn:* Ông NDD và bà DTHT; cùng cư trú tại: Số 5 H, Tổ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà NLQ; cư trú tại: Số 5 H, Tổ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13-12-2018; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05-01-2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL - Chi nhánh Hải Phòng (sau đây viết tắt là Ngân hàng KL) và ông NDD, bà DTHT đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 009/18/HĐTD/1400-2986 để vay vốn của Ngân hàng KL. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng KL đã giải ngân cho ông NDD, bà DTHT số tiền 1.700.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 009/HUNN.CN ngày 08-01-2018; thời hạn cho vay: 120 tháng; mục đích vay: Sửa chữa, nâng cấp nhà để ở; lãi suất vay: 11,7%/ năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 36+37, tờ bản đồ số 09, diện tích 237,1m2 tại địa chỉ Tổ I (nay là số 5 H, Tổ I), phường J, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 415412 do Uỷ ban nhân dân quận K cấp ngày 01-11-2013 cho bà NLQ và con trai là ông NDD, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 002/18/HĐTC-BDS/1400-2986 ngày 05-01-2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông NDD, bà DTHT đã vi phạm nghĩa vụ, không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng KL theo như thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Kể từ ngày 30-8-2018 khoản vay của ông NDD, bà DTHT đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng KL đã tạo điều kiện để khách hàng vay và bên thế chấp có kế hoạch trả nợ, tất toán khoản vay nhưng ông NDD, bà DTHT vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng KL. Nên, Ngân hàng KL khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết : Buộc ông NDD, bà DTHT phải trả cho Ngân hàng KL toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 21-11-2018) là 1.651.130.880 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.607.403.314 đồng, nợ lãi trong hạn 42.912.046 đồng, lãi chậm trả lãi 326.793 đồng, lãi quá hạn: 488.727 đồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông NDD, bà DTHT đã trả cho Ngân hàng KL một phần nợ gốc và nợ lãi của khoản vay. Tính đến ngày 25-7-2020, ông NDD, bà DTHT còn nợ Ngân hàng KL số tiền 1.300.032.642 đồng; trong đó: Nợ gốc 1.289.070.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.962.642 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng KL yêu cầu ông NDD, bà DTHT phải thanh toán cho Ngân hàng KL số tiền còn nợ (tính đến ngày 25-7-2020) là 1.300.032.642 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.289.070.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.962.642 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26-7-2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi xuất quá hạn của hợp đồng đã ký kết. Nếu, ông NDD, bà DTHT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng KL yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp,

sau khi phát mại tài sản bảo đảm nếu số tiền thu được không đủ để trả nợ cho Ngân hàng KL thì ông NDD, bà DTHT phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng KL.

Tại Bản tự khai đề ngày 07-01-2020 của ông NDD, Bản tự khai đề ngày 10-02-2020 của bà DTHT, bị đơn thống nhất trình bày:

Ngày 05-01-2018 vợ chồng ông NDD, bà DTHT có vay của Ngân hàng KL số tiền 1.700.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 009/18/HĐTD/1400-2986. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 36+37, tờ bản đồ số 09, diện tích 237,1m2 tại địa chỉ Tổ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông NDD, bà DTHT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như Ngân hàng KL trình bày là đúng. Ông NDD, bà DTHT cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng KL theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông NDD, bà DTHT không thanh toán được khoản nợ trên cho Ngân hàng KL thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng KL theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10-02-2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ trình bày:

Ngày 05-01-2018 con trai và con dâu của Bà là ông NDD, bà DTHT đã ký Hợp đồng tín dụng số 009/18/HĐTD/1400-2986 vay số tiền 1.700.000.000 đồng của Ngân hàng KL. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng nhà, đất tại địa chỉ Tổ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 415412 do Uỷ ban nhân dân quận K cấp ngày 01-11-2013 cho bà NLQ và con trai là ông NDD. Trường hợp ông NDD, bà DTHT không thanh toán được khoản nợ trên cho Ngân hàng KL thì bà NLQ đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng KL theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và khi có đương sự vắng mặt tại phiên tòa; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông NDD, bà DTHT phải trả cho Ngân hàng KL số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là 1.300.032.642 đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.289.070.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.962.642 đồng. Ông NDD, bà DTHT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nếu ông NDD, bà DTHT không trả được nợ thì Ngân hàng KL có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Về án phí: Ông NDD, bà DTHT phải chịu 51.000.979 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với mục đích sửa chữa, nâng cấp nhà để ở. Do đó, đây là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại số 5 H, Tổ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng. Nên, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ ba nhưng bị đơn ông NDD, bà DTHT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ đều vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác đ ịnh việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hiệu lực của hợp đ ồng: Hợp đồng tín dụng số 009/18/HĐTD/1400-2986 ngày 05-01-2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 002/18/HĐTC-BDS/1400-2986 ngày 05-01-2018 giữa Ngân hàng KL với ông NDD, bà DTHT và bên thế chấp tài sản được ký kết do các bên tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận, đã giải ngân cho bị đơn số tiền 1.700.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 009/HUNN.CN ngày 08-01-2018. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng. Nên, kể từ ngày 30-8-2018 nguyên đơn đã chuyển khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn. Về phia bị đơn cũng thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã trả cho nguyên đơn một phần nợ gốc và nợ lãi của khoản vay nhưng vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa. Qua đó, có căn cứ cho rằng, bị đơn không thiện chí hợp tác để giải quyết vụ án thông qua thương lượng, hòa giải. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 25-7-2020) là 1.289.070.000 đồng và yêu cầu đòi tiền nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với sự thỏa thuận của các bên tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng, phù hợp Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Tại hợp đồng tín dụng lãi suất các bên thỏa thuận là 11,7%/năm (có sự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng); lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Việc các bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Theo bản kê tính lãi do nguyên đơn giao nộp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25-7-2020), bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn 10.962.642 đồng và yêu cầu đòi tiền nợ lãi của nguyên là có căn cứ và phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Từ những phân tích và đánh giá tại mục [4], [5], Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 009/18/HĐTD/1400-2986 ngày 05-01-2018 (tính đến ngày 25-7-2020) là 1.300.032.642 đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.289.070.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.962.642 đồng.

[7] Về việc xử lý tài sản bảo đảm: Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của ông NDD và bà DTHT là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của

thửa đất số 36+37, tờ bản đồ số 09, diện tích 237,1m2 tại địa chỉ Tổ I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 415412 do Uỷ ban nhân dân quận K cấp ngày 01-11-2013 cho bà NLQ và con trai là ông NDD vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có gì thay đổi về diện tích và vật kiến trúc trên đất so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Do vậy, trường hợp ông NDD, bà DTHT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là chính đáng, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng thế chấp, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự. Nếu, sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng KL mà còn thừa thì được trả lại cho bà NLQ và ông NDD. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng KL thì ông NDD, bà DTHT phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

[8] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 1.300.032.642 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 51.000.979 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông NDD và bà DTHT phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 009/18/HĐTD/1400-2986 ngày 05-01-2018 là 1.300.032.642 (Một tỷ ba trăm triệu không trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai) đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.289.070.000 (Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn 10.962.642 (Mười triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi hai) đồng.

1.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Trường hợp ông NDD và bà DTHT không trả hoặc không trả đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xử lý là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 36+37, tờ bản đồ số 09, diện tích 237,1m2 tại địa chỉ Tổ I (nay là số 5 H, Tổ I), phường J, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 415412 do Uỷ ban nhân dân quận K cấp ngày 01-11-2013 cho bà NLQ và con trai là ông NDD.

1.3. Nếu sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL mà còn thừa thì được trả lại cho bà NLQ và ông NDD. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL thì ông NDD và bà DTHT phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

Khi phát mại tài sản thế chấp, bà NLQ và ông NDD được quyền ưu tiên mua tài sản phát mại trên nếu có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng).

2. Về án phí: Ông NDD và bà DTHT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 51.000.979 (Năm mươi mốt triệu chín trăm bẩy mươi chín) đồng; trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.765.000 (Ba mươi triệu bẩy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008489 ngày 10-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;;
- VKSND quận Hồng Bàng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Đinh Hữu Hường